**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
--------------**

**HỢP ĐỒNG**

**CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ
CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG**

Số:........

**[PHẦN 1. CÁC CĂN CỨ]**

*Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số* [*130/2018/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-130-2018-nd-cp-huong-dan-luat-giao-dich-dien-tu-ve-chu-ky-so-358259.aspx) *ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;*

*Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;*

**[PHẦN 2. NỘI DUNG BẮT BUỘC]**

**I. THÔNG TIN CÁC BÊN**

**1. Bên sử dụng dịch vụ (Bên A):**

***1.1. Đối với tổ chức***

Người đại diện:........................................ Chức vụ:.........................................................

Địa chỉ:...........................................................................................................................

Điện thoại:.............................................. Fax:.................................................................

Tài khoản:.......................................................................................................................

Mã số thuế:.....................................................................................................................

Các thông tin khác (nếu có).

***1.2. Đối với cá nhân***

Họ và tên:.......................................................................................................................

CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân:...............................................................................

Địa chỉ:...........................................................................................................................

Điện thoại:............................................. Fax:..................................................................

Tài khoản:.......................................................................................................................

Mã số thuế:.....................................................................................................................

Các thông tin khác (nếu có).

**2. Bên cung cấp dịch vụ (Bên B):**

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng............................................

Người đại diện theo pháp luật:.........................................................................................

Địa chỉ:...........................................................................................................................

Điện thoại:............................................. Fax:..................................................................

Tài khoản:.......................................................................................................................

Mã số thuế:.....................................................................................................................

Các thông tin khác (nếu có).

Hợp đồng đại lý được lập thành văn bản với các nội dung được các bên thống nhất...

Sau khi thỏa thuận, các bên thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng với các nội dung sau:

**II. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

**Điều. Phạm vi, giới hạn sử dụng**

*(áp dụng đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số)*

**Điều. Mức độ bảo mật**

- Hệ thống phân phối khóa cho thuê bao (Bên A) phải đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của cặp khóa. Trong trường hợp phân phối khóa thông qua môi trường mạng máy tính thì hệ thống phân phối khóa phải sử dụng các giao thức bảo mật đảm bảo không lộ thông tin trên đường truyền.

- Bên A có trách nhiệm lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng.

**Điều. Điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số**

- Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số đó;

- Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp;

- Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.

**Điều. Chi phí liên quan đến việc cấp và sử dụng chứng thư số của thuê bao**

*(Chi phí liên quan đến việc cấp và sử dụng chứng thư số của thuê bao do hai bên thỏa thuận)*

**Điều. Tạm dừng, thu hồi chứng thư số của thuê bao**

*(Nội dung liên quan đến tạm dựng, thu hồi chứng thư số của thuê bao theo quy định tại Điều 28, 29 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP)*

**Điều. Quyền và nghĩa vụ**

***1. Quyền và nghĩa vụ của bên A***

a) Nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ trên đây, đồng thời chịu trách nhiệm đảm bảo sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khóa bí mật.

b) Cung cấp đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số bao gồm:

- Đơn cấp chứng thư số theo mẫu của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

- Giấy tờ kèm theo:

+ Đối với cá nhân: Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

+ Đối với tổ chức: Quyết định thành lập hoặc quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư; chứng minh nhân dân, hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

c) Có quyền yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của mình tạm dừng, thu hồi chứng thư số đã cấp và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó.

d) Cung cấp thông tin theo quy định một cách trung thực, chính xác cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

đ) Trường hợp tự tạo cặp khóa cho mình, thuê bao phải đảm bảo thiết bị tạo cặp khóa sử dụng đúng quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng. Quy định này không áp dụng cho trường hợp thuê bao thuê thiết bị tạo cặp khóa của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

e) Lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng.

g) Thông báo trong thời gian 24 giờ cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của mình nếu phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của mình đã bị lộ, bị đánh cắp hoặc sử dụng trái phép để có các biện pháp xử lý.

***2. Quyền và nghĩa vụ của bên B***

a) Đảm bảo cung cấp cho Bên A dịch vụ chứng thực chữ ký số... (loại chứng thư số) sau khi kiểm tra thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số của thuê bao là chính xác;

b) Đảm bảo cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho Bên A đáp ứng các điều kiện an toàn cho chữ ký số theo Quy định tại Điều 9 Nghị định số [130/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-130-2018-nd-cp-huong-dan-luat-giao-dich-dien-tu-ve-chu-ky-so-358259.aspx) .

c) Tạo khóa và phân phối khóa cho thuê bao

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng thư số có thể tự tạo cặp khóa hoặc yêu cầu bằng văn bản tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tạo cặp khóa cho mình.

- Đảm bảo sử dụng các phương thức an toàn để chuyển giao khóa bí mật đến thuê bao và chỉ được lưu bản sao của khóa bí mật khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chứng thư số có yêu cầu bằng văn bản.

- Đảm bảo an toàn trong suốt quá trình tạo và chuyển giao chứng thư số cho thuê bao.

- Sử dụng thiết bị, phần mềm theo đúng tiêu chuẩn quy định để khởi tạo và lưu trữ cặp khóa.

d) Đảm bảo việc sử dụng dịch vụ của thuê bao liên tục, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hiệu lực của chứng thư số và việc kiểm tra trạng thái chứng thư số của thuê bao là liên tục.

đ) Giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù xảy ra cho thuê bao và người nhận trong trường hợp lỗi được xác định của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

e) Đảm bảo an toàn thông tin riêng, thông tin cá nhân và thiết bị lưu trữ chứng thư số cho thuê bao theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và pháp luật khác có liên quan.

g) Tiếp nhận thông tin:

Đảm bảo kênh tiếp nhận thông tin hoạt động 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần từ thuê bao liên quan đến việc sử dụng chứng thư số.

h) Liên quan đến hoạt động quản lý khóa:

- Thông báo ngay cho thuê bao, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của thuê bao đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của thuê bao;

- Khuyến cáo cho thuê bao việc thay đổi cặp khóa khi cần thiết nhằm đảm bảo tính tin cậy và an toàn cao nhất cho cặp khóa.

i) Trong trường hợp phải tạm dừng cấp chứng thư số mới:

Trong thời gian tạm dừng, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng có trách nhiệm duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến chứng thư số đã cấp.

k) Khi bị thu hồi giấy phép, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng phải thông báo ngay cho thuê bao về việc ngừng cung cấp dịch vụ của mình và thông tin về tổ chức tiếp nhận cơ sở dữ liệu của mình để đảm bảo quyền lợi sử dụng dịch vụ của thuê bao.

**Điều. Thủ tục khiếu nại và giải quyết tranh chấp**

*(Hai bên tự thỏa thuận đảm bảo tuân thủ pháp luật về thương mại và dân sự)*

**[PHẦN 3. NHỮNG THỎA THUẬN KHÁC (phù hợp với các quy định của pháp luật về dân sự, thương mại)]**

…................................................................................................................................

....................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **ĐẠI DIỆN BÊN B***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |